

Việc dạy - học môn lịch sử trong chương trình giáo dục phổ thông mới - Một nghiên cứu bằng Netnography

Teaching and learning history - A Netnography study

Lê Thị Thanh Xuân^{1,2*}, Lê Nguyễn Ngọc Hân^{1,2}

¹Trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: lttxuan@hcmut.edu.vn

THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.
soci.vi.20.2.4211.2025

Ngày nhận: 12/03/2025

Ngày nhận lại: 20/04/2025

Duyệt đăng: 09/05/2025

TÓM TẮT

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới (ban hành năm 2018), môn Lịch sử là một trong những môn học nhận được nhiều sự quan tâm và thảo luận trên các phương tiện truyền thông cũng như mạng xã hội. Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 sẽ là kỳ thi đầu tiên áp dụng cho học sinh học theo chương trình này. Do đó, việc nghiên cứu thực trạng dạy và học môn Lịch sử trong chương trình mới sẽ giúp làm rõ góc nhìn của nhiều bên liên quan, bao gồm giáo viên, học sinh và cộng đồng; từ đó, đề xuất các cải tiến về nội dung sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy, và chính sách đào tạo giáo viên nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Lịch sử trong chương trình giáo dục phổ thông mới. Để đạt được mục tiêu này, nghiên cứu sử dụng phương pháp Netnography, thu thập và phân tích dữ liệu từ các cộng đồng trực tuyến thảo luận về việc dạy và học môn Lịch sử, sau đó, áp dụng phương pháp phân tích chủ đề (thematic analysis). Tổng cộng, 09 cộng đồng trực tuyến đã được lựa chọn để nghiên cứu, bao gồm các cộng đồng giáo viên dạy Lịch sử và các diễn đàn thảo luận về lịch sử và môn học này. Dữ liệu phân tích gồm 20 bài đăng và 1,139 bình luận. Kết quả nghiên cứu xác định 06 khía cạnh chính được thảo luận liên quan đến việc dạy và học môn Lịch sử, bao gồm: bối cảnh và tầm quan trọng của môn học, thi cử, sách giáo khoa, chương trình đào tạo, phản ứng của học sinh và phương pháp giảng dạy.

ABSTRACT

In the general education curriculum introduced in 2018, History is one of the subjects that has attracted significant public attention and generated widespread discussion across both mass media and social networks. The 2025 National High School Graduation Examination will be the first to assess students who have followed this new curriculum. Therefore, studying the current state of History teaching and learning under the new program is essential to clarify the perspectives of various stakeholders, including teachers, students, and the communities, and to provide a base for improvements in textbooks, teaching

Từ khóa:

cộng đồng trực tuyến;
chương trình giáo dục phổ
thông; dạy và học lịch sử;
lịch sử; Netnography

Keywords:

online communities;
 general education
 curriculum; teaching and
 learning history; history;
 Netnography

methods, and teacher training policies, to enhance the quality of History education. To achieve this objective, the study employs the Netnography method, collecting and analyzing data from online communities that discuss the teaching and learning of History. Thematic analysis is used to identify key patterns and insights. A total of nine online communities (with 20 original posts and 1,139 comments) were selected, including groups of History teachers and forums dedicated to History education. The study identifies six major themes frequently discussed in relation to History teaching and learning: the context and importance of history, examinations, textbooks, curriculum, student reactions, and teaching methods.

1. Giới thiệu

Môn Lịch Sử (LS) cung cấp cho người học kiến thức về quá khứ, và khả năng phân tích, tư duy phản biện. Tuy vậy, việc dạy và học LS của hệ thống Giáo Dục Phổ Thông (GDPT) hiện tồn tại rất nhiều khó khăn và thách thức. Trước tiên, Học Sinh (HS) không hứng thú với môn học LS, và kết quả thi môn LS trong kỳ thi trung học phổ thông quốc gia luôn thấp cho đến năm 2021 mới được cải thiện, dù vậy vẫn nằm trong nhóm các môn có kết quả thấp (Ngan Ha, 2024; Le, 2022). Tiếp đến, nhiều HS chỉ xem LS là môn phụ dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng về kiến thức LS (Ngan Ha, 2024; Thieu Trang & Tuong Van, 2021). Ngoài ra, công tác tổ chức như viết sách, thiết kế nội dung, dạy học, đánh giá và tổ chức thi chưa phù hợp dẫn đến tình trạng đối phó ‘thi gì dạy nấy’ (Le, 2022; Thieu Trang & Tuong Van, 2021). Trong quá trình cải cách chương trình GDPT 2018, Bộ Giáo Dục và Đào tạo (BGD-ĐT) gây ra tranh cãi trong dư luận khi quyết định xếp LS vào môn tự chọn. Tuy rằng, quyết định này đã được hiệu chỉnh, việc tranh luận về tầm quan trọng của môn LS vẫn tiếp diễn trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội. Điều này cũng cho thấy tín hiệu tích cực về sự quan tâm của cộng đồng với môn LS. Không chỉ cộng đồng nói chung, nhiều nhà giáo dục và sinh viên vẫn thể hiện sự quan tâm và cam kết với việc dạy và học LS. Nội dung của các tranh luận và thảo luận trên mạng xã hội cho thấy các vấn đề như sự yêu thích của rất nhiều người với LS và môn LS, hoặc các Phương Pháp (PP) dạy học LS sáng tạo, ... Một số nghiên cứu trước đây tại Việt Nam đã chỉ ra những thách thức trong việc dạy và học môn LS, chủ yếu ở bậc trung học cơ sở và từ góc nhìn của Giáo Viên (GV), như nhấn mạnh sự thiếu thống nhất trong cải tiến giảng dạy và sự cần thiết của đổi mới PP và đánh giá (Hoang, 2015), hay những khó khăn về vị trí môn học, chương trình, Sách Giáo Khoa (SGK) và chất lượng đội ngũ GV (Nguyen, 2015). Với chương trình GDPT mới, Ho và cộng sự (2022) mô tả thực tiễn giảng dạy môn Lịch sử và Địa lý ở tỉnh Cà Mau, chỉ ra cả thuận lợi và thách thức trong triển khai dạy học theo định hướng phát triển năng lực.

Những thảo luận sôi nổi trên truyền thông và mạng xã hội về vị trí, vai trò, cũng như chất lượng môn LS trong chương trình GDPT mới (ban hành năm 2018) đã phản ánh mức độ quan tâm của nhiều nhóm xã hội đến vấn đề này. Nơi phù hợp để các cuộc tranh luận và thảo luận diễn ra trên diện rộng là mạng xã hội, trên các nền tảng như Facebook, Instagram, Youtube, ... Theo Câu lạc bộ liên minh sáng tạo nội dung số Việt Nam, số người dùng mạng xã hội là 72.3 triệu người (tương đương 73.3% dân số) (DataReportal, We Are Social, & Kepios [DCCA], 2024). Với sự phát triển mạnh mẽ trong vài thập kỷ vừa qua, Internet cung cấp nền tảng cho các Cộng Đồng Trực Tuyến (online communities) (CĐTT) hình thành và phát triển mạnh mẽ. Đây chính là nền tảng cho PP nghiên cứu Netnography, là một PP nghiên

cứu định tính sử dụng Internet để nghiên cứu các CĐTT. PP Netnography phù hợp để nghiên cứu, khám phá các chủ đề có sự tương tác xã hội trực tuyến giữa các cá nhân, có dữ liệu được tạo ra hoặc đồng tạo bởi một người, một nhóm (Kozinets, 2015a). Các thảo luận và tranh luận về việc dạy và học môn LS diễn ra trên các diễn đàn, các CĐTT với sự tham gia của rất nhiều các thành viên từ khắp các vùng miền, với kinh nghiệm và hiểu biết đa dạng. Chính vì vậy, PP Netnography là PP phù hợp để tìm hiểu, khám phá các khía cạnh của việc dạy và học môn LS trong các trường phổ thông hiện nay.

Trước thực tế này, câu hỏi quan trọng được đặt ra là “Các vấn đề nào về việc dạy và học môn LS đang được thảo luận?”. Bằng việc sử dụng PP Netnography, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: (1) mô tả thực trạng việc dạy và học môn LS trong hệ thống GDPT thông qua phân tích phản hồi từ các cộng đồng trực tuyến trên Internet, và (2) trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng dạy và học môn Lịch sử trong hệ thống GDPT hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan về giáo dục lịch sử và môn Lịch sử trong chương trình giáo dục phổ thông 2018

Từ góc nhìn học thuật, môn học LS được phân thành 02 nhóm: trường phái hiện đại (modernist perspectives) và trường phái hậu hiện đại (postmodernist perspectives) (McCrum, 2013). Theo đó, trường phái hiện đại dựa trên niềm tin của các nhà nghiên cứu về khả năng hiểu biết về thực tế quá khứ, có thể truy theo dấu vết, và có thể được thể hiện trong bài viết của các sử gia. Trường phái này mở ra các khả năng để khám phá quy luật ứng xử của con người và phối hợp với các lý thuyết xã hội nhằm giải thích quá khứ. Trường phái hậu hiện đại xem xét khả năng của việc hiểu biết về thực tế quá khứ như một vấn đề; và thu hoạch ý nghĩa thông qua các câu chuyện và trong các diễn thuyết. Có thể nói, trường phái này nhấn mạnh vai trò của ngôn ngữ để hiểu về quá khứ. LS vừa được xem là một quy luật (nhấn mạnh PP mang tính lịch sử để nghiên cứu và phân tích), vừa là một môn học trong GDPT (không chỉ cân nhắc chiến lược dạy và học mà kết nối với sự sẵn sàng của HS (Detmers, 2019)). Có thể thấy, môn học LS vừa có khía cạnh hàn lâm, vừa là khía cạnh học kiến thức về LS.

Việc giảng dạy môn LS có định hướng kiến thức về LS, trang bị cho HS kiến thức và kỹ năng LS tổng quát. Môn LS được cho là nhấn mạnh mục tiêu giáo dục, xã hội và đạo đức thông qua việc dạy HS các bài học đạo đức cá nhân (McCrum, 2013). LS cung cấp những kiến thức mà HS phải biết như các nhóm sắc tộc, sự đa dạng trong niềm tin và kinh nghiệm của người khác, hoặc kiến thức về các sự kiện trong quá khứ và học các kỹ năng lịch sử trong quá trình phát triển kiến thức chính trị, ... Kết quả nghiên cứu từ phỏng vấn các GV dạy môn LS tại Anh cho thấy môn LS trong GDPT được nhấn mạnh trong việc giáo dục HS bậc phổ thông (McCrum, 2013).

Năm 2018, BGD-ĐT ban hành thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về việc ban hành Chương trình GDPT mới, thay thế cho chương trình đã ban hành năm 2006. Chương trình 2018 kế thừa một số điểm từ chương trình 2006, và có 10 điểm mới, bao gồm: Quan điểm, mục tiêu của CTGDPT; nội dung và thời lượng giáo dục; PP dạy học; vai trò SGK; vai trò của GV; yêu cầu đối với HS; yêu cầu đối với cha mẹ HS; vai trò chủ động của cơ sở giáo dục; điều kiện về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; trách nhiệm của địa phương (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018; Báo Điện Tử Chính Phủ, 2023).

Môn học LS trong chương trình GDPT 2018 được mở rộng về nội dung và phạm vi kiến thức. Đặc biệt, môn LS nhấn mạnh quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS theo hướng: Khoa học, hiện đại; Hệ thống, cơ bản; Thực hành, thực tiễn; Dân tộc, nhân văn; Mở, liên thông. Việc dạy và học môn LS được cho là thách thức hơn với GV vì cần thay đổi từ PP tiếp cận nội dung sang PP tiếp cận năng lực, HS phải hiệu chỉnh cách học tập từ phụ thuộc bài giảng của thầy cô sang chủ động trong hoạt động nhóm (Hiếu-Nguyễn, 2022). Các PP khác nhau trong việc dạy và học môn LS cho thấy có nhiều sự thay đổi và cải thiện trong bối cảnh mới. Năm 2025, lứa HS trung học phổ thông đầu tiên của chương trình GDPT mới sẽ thi tốt nghiệp. Như vậy, việc tìm hiểu các góc nhìn khác nhau trong việc dạy và học LS để có thể rút kinh nghiệm và có những cải tiến phù hợp là cần thiết.

2.2. Cộng đồng trực tuyến và cộng đồng trực tuyến về môn Lịch sử

Cộng đồng trực tuyến là các nhóm hoặc cá nhân tương tác với nhau thông qua mạng máy tính và sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau (Cothrel & Williams, 1999, được trích dẫn trong Lejealle & ctg., 2022). Bagozzi và Dholakia (2002) định nghĩa CĐTT là các không gian xã hội trên môi trường số cho phép các nhóm được hình thành và bền vững thông qua quá trình giao tiếp diễn ra liên tục (Bagozzi & Dholakia, 2002, được trích dẫn trong Lejealle & ctg., 2022; Seraj, 2012). Hoặc, trong nghiên cứu của mình, Za và cộng sự (2020) định nghĩa CĐTT là phương thức dựa vào Internet cho phép các tương tác giữa mọi người có thể diễn ra (Za & ctg., 2020, được trích dẫn trong Nohutlu & ctg., 2022). CĐTT còn được hiểu là nơi phù hợp cho các cá nhân kết nối xung quanh một mục tiêu/vấn đề chung và kết nối họ thông qua các tương tác (Fernandes & Remelhe, 2016; Sawhney & ctg., 2005, được trích dẫn trong Nohutlu & ctg., 2022). Dù có nhiều định nghĩa khác nhau, CĐTT có những đặc điểm chính như sau: (1) dựa vào môi trường Internet, (2) dễ dàng cho mọi người tương tác dù ở các vị trí địa lý khác nhau (3) có vấn đề chung nhiều người cùng quan tâm để thu hút mọi người tham gia.

Các CĐTT thảo luận về việc dạy và học môn LS có thể chia thành 03 nhóm cộng đồng chính của: (1) các GV dạy môn LS, (2) những người quan tâm, yêu thích LS, (3) các vấn đề học tập (LS là một trong số các vấn đề được thảo luận trong các cộng đồng này). Nhóm thứ nhất là nơi các GV dạy môn LS trao đổi thảo luận về các PP giảng dạy môn LS, các thách thức/khó khăn trong hệ thống giáo dục hiện tại với mục tiêu chính là giúp đỡ nhau trong chuyên môn, cải thiện kinh nghiệm giảng dạy. Nhóm thứ hai bao gồm các cộng đồng tập hợp những người quan tâm và yêu thích lịch sử có những trao đổi về các câu chuyện lịch sử, với mục tiêu giúp cho các thành viên nâng cao hiểu biết về LS. Nhóm thứ ba là các cộng đồng về các vấn đề học tập nói chung ở trường phổ thông và đại học và LS là một trong số các chủ đề. Nhóm này cũng là nhóm có số thành viên rất lớn với các thảo luận và tương tác đa dạng.

2.3. Tổng quan về phương pháp Netnography

Netnography là PP nghiên cứu định tính, được hiệu chỉnh từ PP ethnography, để sử dụng trong nghiên cứu về hành vi khách hàng, và văn hoá ở các cộng đồng trực tuyến trên môi trường Internet (Kozinets, 1998). Với sự phát triển của mạng xã hội, Netnography (dùng để nghiên cứu diện rộng về các tương tác xã hội trực tuyến từ quan điểm của con người) ngày càng trở nên phổ biến hơn trong các lĩnh vực marketing, kinh doanh và quản lý (Morais & ctg., 2020). Netnography được sử dụng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác nhau như địa chính trị, giáo dục, sức khoẻ, báo chí số, quản lý tri thức trong nhiều bối cảnh với các ngôn ngữ khác nhau (Adeola & ctg., 2024; Costello et al., 2017).

Theo Kozinets (2015b), có 04 loại Netnography, bao gồm: Auto-netnography, Symbolic Netnography, Digital Netnography và Humanist Netnography. *Auto-netnography* là cách thức phân tích các tương tác trên mạng xã hội bằng lăng kính tự phản ánh để đưa ra các phát biểu dựa trên sự tồn tại của các giao tiếp thông qua các thiết bị điện tử. *Symbolic netnography* là PP được sử dụng phổ biến nhất, đặc biệt trong lĩnh vực Marketing, để các nhà quản lý có thể hiểu được thế giới của người tiêu dùng. PP này tập trung vào 01 nhóm cụ thể để có thể giải thích các hoạt động, giá trị, ý nghĩa của các thành viên, phác hoạ hình ảnh để có thể hiểu họ rõ hơn. *Digital Netnography* được sử dụng ở mức độ toàn cầu để hiểu về văn hoá, và để cải thiện các hoạt động kinh doanh, quản lý và xã hội. *Humanist Netnography* dựa trên các câu hỏi nghiên cứu có các hàm ý xã hội với sự tham gia của người nghiên cứu trong vai trò người ủng hộ, thậm chí là người hoạt động trong các cộng đồng trực tuyến.

Một cách phân loại khác chia Netnography thành 02 loại: chủ động và bị động (Adeola & ctg., 2024). PP Netnography bị động giúp hiểu các thành viên (thói quen của họ) của một cộng đồng trực tuyến. Một số nhà nghiên cứu ủng hộ PP này vì không ảnh hưởng hay cản trở hay điều hướng hành vi, ý tưởng của các thành viên. PP Netnography chủ động đòi hỏi người nghiên cứu tham gia chủ động vào các cộng đồng trực tuyến, cùng tương tác để tạo ra các thảo luận.

Kozinets và cộng sự (trích trong Kozinets & Gambetti, 2021) nhấn mạnh, các vấn đề được xã hội (công chúng) quan tâm, PP Netnography được sử dụng để có thêm nhiều dữ liệu và đề xuất thảo luận từ cộng đồng. Các tác giả cũng khẳng định vai trò quan trọng của Netnography trong định hướng các quy định chính sách.

Có thể thấy, việc nghiên cứu vấn đề dạy và học LS để đề xuất cho các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục cần sử dụng PP Netnography bị động nhằm thu thập nhiều ‘ngôn ngữ’ của nhiều đối tượng khác nhau (Kozinets & ctg., trong Kozinets & Gambetti, 2021). Và, để thu thập được các ‘ngôn ngữ’ này, dữ liệu lưu trữ (archival data) là phù hợp nhất để phản ánh suy nghĩ của các đối tượng liên quan khác nhau về chủ đề dạy và học LS trong chương trình GDPT.

3. Phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là mô tả hiện trạng dạy và học môn LS bằng PP Netnography với dữ liệu thu thập từ các cộng đồng trực tuyến của các GV dạy môn LS, và các cộng đồng chung thảo luận về LS và môn LS. Do đó, PP phù hợp để thu thập các thông tin được lưu trữ (archival data) và phản ánh ‘ngôn ngữ’ của nhiều đối tượng khác nhau có liên quan đến vấn đề nghiên cứu là PP Netnography bị động (Adeola & ctg., 2024; Kozinets, 2015b; Kozinets & Gambetti, 2021).

Các cộng đồng này được lựa chọn dựa vào 05 tiêu chí theo hướng dẫn của Kozinets (2002) bao gồm (1) Tính liên quan (Relevance) đến chủ đề về dạy và học môn LS; (2) lượt truy cập các bài đăng cao (higher ‘traffic’ of postings); (3) có số lượng lớn bài đăng về việc dạy và học môn LS; (4) Dữ liệu dồi dào (Rich data) của các cộng đồng thể hiện các khía cạnh khác nhau của việc dạy và học môn LS; (5) có sự tương tác giữa các thành viên trên các cộng đồng về chủ đề dạy và học môn LS. Có 09 cộng đồng phù hợp được lựa chọn với 05 tiêu chí này, bao gồm 03 cộng đồng trực tuyến của các GV dạy môn LS, 03 cộng đồng trực tuyến của những người quan tâm, yêu thích LS, và 03 cộng đồng liên quan đến các vấn đề học tập.

Dữ liệu thu thập từ các CĐTT được thu thập bằng cách tìm kiếm tất cả các bài đăng về chủ đề dạy và học LS cho đến tháng hết tháng 5 năm 2024, và được phân tích bằng PP phân

tích chủ đề (thematic analysis). Đây là PP phân tích dữ liệu định tính để xác định các chủ điểm từ dữ liệu thô (Boyatzis, 1998). Các bài đăng và các bình luận của từng bài được thu thập và phân tích theo quy trình xác định, phân loại, và mô tả từng chủ đề và các ý trong từng chủ đề (Silverman, 2022). Đây được xem là PP phân tích dữ liệu phổ biến nhất trong các nghiên cứu sử dụng PP Netnography (Adeola & ctg., 2024).

Sau khi đã hoàn tất quá trình phân tích các dữ liệu netnography thu thập từ các CĐTT, để xác minh tính chính xác của thông tin được phân tích (Kozinets, 2002), PP phỏng vấn sâu được thực hiện với 01 GV dạy môn LS đã tham gia dạy cả hai chương trình GDPT mới và cũ và có tham gia thảo luận trong một vài CĐTT.

4. Kết quả nghiên cứu

Tổng cộng có 09 CĐTT phù hợp với 05 tiêu chí (Bảng 1), với 20 bài đăng có nội dung về dạy và học môn LS được thu thập để phân tích. Bảng 2 tóm tắt các thông tin liên quan đến các bài đăng được thu thập, bao gồm số lượng tương tác, bình luận, và chia sẻ. Tổng cộng có 8,908 bình luận trong 20 bài đăng. Tuy nhiên, chỉ có các bình luận có liên quan đến vấn đề đang thảo luận trong bài đăng được chọn để phân tích. Vì vậy, chỉ có 1,136 bình luận được chọn để phân tích.

Bảng 1*Các CDTT Thảo Luận Về Việc Dạy và Học Môn LS Phù Hợp Được Lựa Chọn*

STT	Tên cộng đồng	Ký hiệu	Số thành viên	Số năm hoạt động	Số bài đăng được chọn	Số bình luận được chọn	Tính liên quan	Lượt truy cập bài viết cao	Số lượng bài viết lớn	Dữ liệu dồi dào	Tương tác giữa các thành viên
1	Trường Người Ta	C1	2.8 triệu	07	03	155	Có	Cao	Có	Trung bình	Cao
2	Đại Học Đứng Học Đại	C2	1.9 triệu	05	05	215	Có	Cao	Có	Trung bình	Cao
3	Hội những người thích tìm hiểu Lịch Sử	C3	92.4 ngàn	06	01	92	Có	Cao	Có	Ít	Cao
4	Ở ĐÂY CÓ NHỮNG CÂU CHUYỆN VỀ LỊCH SỬ	C4	41.3 ngàn	03	01	91	Có	Cao	Có	Ít	Trung bình
5	GV Lịch sử THCS_THPT	C5	28.8 ngàn	04	01	59	Có	Trung bình	Trung bình	Ít	Trung bình
6	Hội GV KHXH (Văn - Sử - Địa - GDCD)	C6	298.4 ngàn	05	01	5	Có	Trung bình	Trung bình	Ít	Trung bình
7	GV: LỊCH SỬ	C7	40.9 ngàn	09	03	62	Có	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình
8	Tìm hiểu Lịch sử	C8	145.6 ngàn	04	01	174	Có	Cao	Có	Ít	Cao
9	Học Không Giỏi, Xóa Group! (XGR)	C9	324.2 ngàn	08	04	385	Có	Cao	Có	Trung bình	Cao

Ghi chú: Kết quả nghiên cứu

Bảng 2*Các Loại Tương Tác trong Các Bài Đăng Về Việc Dạy và Học Môn LS*

STT	Lượt tương tác	Bình luận	Chia sẻ
C1P1	6,300	233	55
C1P2	1,700	281	08
C1P3	55,000	4,800	677
C2P1	155	30	01
C2P2	1,300	282	17
C2P3	2,800	257	93
C2P4	1,900	92	18
C2P5	718	63	0
C3P1	244	275	23
C4P1	405	84	03
C5P1	106	102	05
C6P1	1,000	232	07
C7P1	236	39	36
C7P2	253	33	142
C7P3	78	74	08
C8P1	1,500	401	45
C9P1	1,300	407	45
C9P2	4,900	563	253
C9P3	450	93	19
C9P4	2,100	567	59
Tổng cộng	82,445	8,908	1,514

Ghi chú: Kết quả nghiên cứu

Kết quả phân tích xác định được 06 khía cạnh trong việc dạy và học LS được thảo luận trên các CĐTT, bao gồm: Bối cảnh và Tầm quan trọng của môn LS, Thi cử, SGK, Chương trình đào tạo, Phản ứng của HS, và PP dạy. Bảng 3 ghi nhận số lượt bình luận trong từng khía cạnh. Các khía cạnh này được trình bày trong Hình 1.

Bảng 3*Số Lượt Bình Luận trong Từng Khía Cạnh của Việc Dạy và Học LS*

STT	Khía cạnh	Số lượt bình luận
1	Bối cảnh và tầm quan trọng của môn LS	111
2	Thi cử	129
3	SGK	173
4	Chương trình đào tạo	182
5	Phản hồi của HS	279
6	PP dạy	262
Tổng cộng		1,136

Ghi chú: Kết quả nghiên cứu

4.1. Việc dạy và học môn LS thảo luận ở các cộng đồng của GV

Các cộng đồng GV dạy môn LS (C5 C6 và C7) thảo luận chủ yếu về 02 khía cạnh: Chương trình đào tạo và PP dạy. Về Chương trình đào tạo, các thảo luận nhấn mạnh vào các chi tiết về Nội dung (99 bình luận), và Thiết kế chương trình (33 bình luận). Đa phần các thảo luận đều thể hiện các điểm chưa hài lòng về nội dung của môn học LS. Ví dụ, một GV dạy môn LS (tài khoản Facebook Hà Vi) bình luận “... *chương trình mới, phần lớn nội dung ngắn gọn hơn nhưng không dễ hiểu, viết bị hẫng, lủng câu ...*”, hoặc “... *1 vấn đề nữa là nhiều chỗ sách mới mình đọc nội dung còn mãi mới hiểu, nên khi hỏi HS nó cứ đơ ra là phải*” (Netno Data, C5.P1, 2024).

Một khía cạnh khác được các GV ở C7 thảo luận nhiều là PP dạy (62 bình luận). Các GV thảo luận, chia sẻ cách để cải tiến PP dạy để có thể truyền cảm hứng cho HS trong việc học môn LS. Trong 03 bài đăng C7.P1, C7.P2, và C7.P3, người đăng bài chia sẻ các PP dạy môn LS mà mình sử dụng và thấy được sự thành công của các PP này. Các PP dạy được cải tiến có thể kể đến như: GV khuyến khích HS sáng tác và hát rap để học; dùng videos; các bài tập mở để thu hút sự tham gia của HS. Điểm chung trong các thảo luận này đều chỉ ra môi trường lớp học cần năng động, GV cần linh động và đổi mới PP dạy học để HS có thể cùng tư duy và tham gia một cách tích cực và chủ động vào giờ học môn LS.

Kết quả phỏng vấn với chuyên gia N.T.T.T (Trường THCS TT Phước Long, Bạc Liêu) là một GV có trải nghiệm trong việc giảng dạy môn LS ở cả 02 chương trình GDPT cũ và mới cho thấy tính hợp lý khi 02 khía cạnh này được thảo luận nhiều “Vì 02 khía cạnh này liên quan trực tiếp đến vai trò và trách nhiệm của các GV” (Kết quả phỏng vấn, 2024).

4.2. Việc dạy và học môn LS thảo luận ở các cộng đồng chung

Cả 06 khía cạnh đều được 6 CĐTT còn lại thảo luận (bao gồm C3, C4, và C8 là 03 CĐTT của những người yêu thích/quan tâm LS, và C1, C2, và C9 là 03 CĐTT liên quan đến các vấn đề học tập). Thành viên tham gia các CĐTT này rất đa dạng, bao gồm cả HS, cựu HS, gia đình, và công chúng nói chung.

Hình 1*Các Khía Cạnh Về Hiện Trạng Dạy và Học Môn Lịch Sử Được Thảo Luận Ở Các CĐTT*

Ghi chú: Màu đỏ: được thảo luận ở cả nhóm cộng đồng của GV và các CĐTT chung; Màu vàng: chỉ thảo luận ở các CĐTT chung. Kết quả nghiên cứu

4.2.1. Khía cạnh 1_Phương pháp dạy

Phương pháp dạy học là một trong những khía cạnh được thảo luận nhiều nhất trong 06 khía cạnh trên các CĐTT. Tổng cộng có 262 thảo luận về PP dạy học môn LS. Tương tự như ở 02 cộng đồng của GV, các vấn đề được thảo luận bao gồm: hiệu quả của chiến lược dạy học, tương tác giữa GV-HS, sự sáng tạo trong giảng dạy. Một cựu HS (Facebook: Danh Đào) cho rằng: “... đa số GV Sĩ đều thế mà ...VẬY mà 12 năm đi học của tui gặp được đúng duy nhất 1 cô, ... thay đổi hoàn toàn cách nhìn của tui về môn Sĩ. Các sự kiện lịch sử thay vì đọc y béc SGK khô khan thì bả kể lại ... còn bổ sung thêm nhiều thứ ngoài lề nữa nên nghe sướng tai ... Thi thì ... muốn lấy điểm cao phải làm mấy câu tư duy nữa ... phân tích trận đánh nọ kia, rồi phân tích cục diện chính trị này kia ... Cho bọn tui phân tích theo ý kiến cá nhân xong mới chốt lại để bọn tui hiểu được tại sao ... Nói chung là hay lắm ...” (Netno data, C2.P4, 2024). Trong khi một bạn khác (Facebook: Lê Anh Khoa) thì nhận định: “Thật ra vấn đề quan trọng là nhiều GV toàn dạy kiểu nhồi nhét ... có cũng như không ...” (Netno data, C2.P4, 2024), hoặc Facebook Nguyễn Mậu Hải “Sĩ học thì hay nhưng mà ghét cách dạy của thầy cô, ghét học thuộc” (Netno data, C2.P2, 2024). Tương tự, Facebook Nguyễn Tuấn Huy: “... giờ lịch sử VN vừa máy móc vừa nhàm chán ... bắt nhớ các cuộc khởi nghĩa từng vùng ...” (Netno data, C2.P4, 2024).

Nhìn chung, bên cạnh một số thảo luận đánh giá cao cách dạy học của GV, chủ yếu các thảo luận đều cho thấy PP dạy học môn LS chưa phù hợp, dễ làm cho HS nhàm chán với môn học.

4.2.2. Khía cạnh 2_Phản hồi của học sinh - trùng lặp với khía cạnh 1

Trong số các thảo luận được thu thập, Phản hồi của HS là cũng là một trong những khía cạnh được thảo luận nhiều nhất (279 thảo luận). Các thảo luận này xoay xung quanh các vấn đề các ý kiến, góc nhìn khác nhau của HS về môn học LS. Trên các CĐTT, nhiều HS thể hiện sự chán nản với môn học LS với lý do cách dạy môn học LS. Một HS cho rằng: “... sĩ địa ... chỉ là những lý thuyết dài dằng dặc, bắt bọn tôi nhớ hết lịch sử Việt Nam, lịch sử thế giới ...” (Netno data, C9.P4, 2024), hoặc Facebook Doãn Quang: “Học Sĩ làm sao cho dễ nhớ đây mọi người, bé tắc quá, nghe giảng 5p mắt nhắm luôn rồi” (Netno data, C6.P1, 2024). Tuy vậy, có những ý kiến trái chiều cho rằng do sự lười biếng trong việc học gây ra. Ý này được minh họa bởi thảo luận của Facebook Vũ Đức Thịnh: “... tất cả những ai không học được kiến thức nền tảng không có đủ tư cách để chỉ trích, phê phán ...” (Netno data, C9.P4, 2024).

Nhiều HS thể hiện sự yêu thích với môn LS, như Facebook Duy Vương thảo luận: “... *Lịch sử ẩn chứa nhiều bài học có thể rút ra trong cuộc sống...*”, hoặc “*Thích học lịch sử ...*” từ Facebook Cao The Nam (Netno data, C1.P2, 2024), hoặc “... *từ khi tiếp xúc với cuốn sử năm lớp 4 thì mình rất háo hức ... càng thấy may mắn vì mình được học sử ...*” (Netno data, C2.P3, 2024). Tuy vậy, các ý kiến này cũng dẫn dắt về PP dạy môn LS để có thể khơi gợi và duy trì sự yêu thích với môn LS.

4.2.3. *Khía cạnh 3_Chương trình đào tạo*

Chương trình đào tạo cũng là một khía cạnh được các thành viên của các cộng đồng thảo luận với nhiều ý kiến đa dạng. Một trong các vấn đề được thảo luận là tính đa chiều và tính chính xác trong chương trình của môn học LS. Các ý kiến cho rằng, nội dung môn học LS có nhiều điểm chưa chính xác “... chương trình LS đầy những lỗi ... nhiều nguồn trích dẫn không có minh chứng rõ ràng ...” (Netno data, C2.P3, 2024). Bên cạnh đó, sự trùng lặp trong chương trình LS cấp 1, cấp 2 và cấp 3 cũng được các thành viên thảo luận nhiều. Facebook Lê Thị Ngoan nêu ý kiến này: “...môn LS cấp THPT chính là lặp lại ở THCS (*LS từ thời nguyên thủy đến thế giới hiện đại*) ... *Thậm chí, có những phần kiến thức LS bị lặp lại ở THPT nhưng trình bày dài dòng hơn ...*” (Netno data, C3.P1, 2024).

Dù vậy, các thành viên khác cho rằng, GDPT thực hiện theo mô hình tròn ốc, có nguyên tắc đồng tâm, và để rèn luyện tư tưởng, nuôi dưỡng nhận thức chính trị. Cụ thể Facebook Minh Khoa Nguyen bình luận: “... *cấp nhỏ ở trong, cấp lớn bao vòng ở ngoài ... Ví dụ như bài cách mạng tháng 8, nếu học cơ sở rồi, lên phổ thông học tiếp thì sẽ học nhiều hơn*” (Netno data, C3.P1, 2024).

Một vấn đề khác được thảo luận trong khía cạnh Chương trình đào tạo là mục tiêu của chương trình môn học LS. Các thành viên có sự đồng thuận khi cho rằng môn học LS giúp định hướng và hình thành quan điểm của HS về tính khách quan của LS, và về các cội nguồn, nguyên nhân mà các sự kiện đã diễn ra. Facebook Phan Tiến Huy bình luận: “*LS cho ngành giáo dục là để định hướng HS sinh viên không bị lệch lạc...*”, hoặc Facebook Nguyễn Phương Trang đưa ra ý kiến: “*Học LS để mà học trí tuệ, đạo đức, nghị lực của người xưa ... cái tinh hoa của cha ông ...*” (Netno data, C9.P2, 2024).

Ngoài ra, các thành viên còn thảo luận về việc môn LS trong chương trình GDPT là môn tự chọn hay bắt buộc. Hầu hết các ý kiến đều được đưa ra khi BGD-ĐT quyết định đưa môn LS là môn tự chọn. Các ý kiến thể hiện sự không đồng thuận với quyết định này vì cho rằng kiến thức LS là kiến thức cơ bản, và việc thiếu kiến thức LS ở bậc giáo dục phổ thông là không thể chấp nhận. Facebook Nguyễn Duy Tráng cho rằng: “... *Điều đáng sợ nhất là sẽ có những thế hệ đi ngược lại và xét lại lịch sử hay thậm chí là xuyên tạc lịch sử...mà luôn lịch sử dân tộc của mình. Bác Hồ cũng có câu nói về tầm quan trọng của lịch sử: ‘Dân ta phải biết sử ta’. Vì thế môn sử không thể là môn tự chọn được.*” (Netno Data, C2.P3, 2024).

4.2.4. *Khía cạnh 4_Sách giáo khoa*

Khía cạnh SGK (SGK) cũng đồng thời được thảo luận (trong 173 bình luận) cùng với Chương trình đào tạo, trong bối cảnh thay đổi chương trình giáo dục phổ thông trong 02 vấn đề nội dung và định dạng (hình thức) của SGK. Nhiều bình luận đề cập đến nội dung và thiết kế định dạng SGK còn rườm rà, nhiều chữ, thiếu hình ảnh minh họa. Facebook Duy Vu Quang bình luận: “*mấy ông viết sách ban đầu muốn HS đào chuyên sâu, nhưng tài liệu tham khảo đa chiều thì không có ... cuối cùng bình mới rườm cũ ...*” (Netno data, C3.P1, 2024).

Ngược lại, Facebook Nguyệt Minh - một GV, cho rằng: “SGK mới nhìn chung là bố cục đẹp và nội dung ít hơn thôi, nhiều hình ảnh. Nhưng có những sự kiện không rành mạch, bị đứt quãng, HS không có gì để khai thác, GV không nói tới thì HS không hiểu tại sao lại có sự kiện đó mà đề cập tới thì SGK không ghi chi tiết! Nhiều nội dung còn nặng và thậm chí loạn hết cả lên” (Netno Data, C7.P1, 2024). Các bài đăng có nhiều ý kiến tranh luận và trái chiều có thể đến từ việc chương trình GDPT mới có nhiều hơn 01 bộ SGK, bên cạnh đó các thảo luận cũng cho rằng việc biên soạn SGK nên thay đổi cho hiệu quả hơn.

4.2.5. *Khía cạnh 5_Thi cử*

Bên cạnh việc thảo luận môn học LS nên là môn học tự chọn hay bắt buộc trong chương trình GDPT, việc cho HS lựa chọn môn thi LS trong các kỳ thi quan trọng (như kỳ thi trung học phổ thông quốc gia) cũng được nhiều thành viên của các cộng đồng thảo luận trong 129 bình luận. Các ý kiến về khía cạnh này theo hai hướng: không nên bắt buộc HS thi môn LS nếu các bạn không thích môn học này, và phải bắt buộc để HS phải học và có kiến thức cơ bản về LS như Facebook Nghiêm Quyên nêu ra ý kiến với tư cách là một phụ huynh, người đi trước cho rằng: “... *Đổi lại việc để 1 số môn như Lịch sử, Địa lý thành môn tự chọn ở cấp 3, thì trong cuộc thi chuyển cấp phải có môn học này để đảm bảo các em đã nắm được những kiến thức căn bản của môn học rồi. Nếu không thì mất gốc Sử hoàn toàn là điều có thể xảy ra khi các em không chọn học môn LS ...*” (Netno Data, C2.P3, 2024).

4.2.6. *Khía cạnh 6_Bối cảnh và Tầm quan trọng của môn LS*

Khía cạnh Bối cảnh và tầm quan trọng của môn LS được thảo luận trong 11 bình luận. Lý do khía cạnh này được đề cập trong các thảo luận do các thành viên cho rằng thế hệ trẻ đã quên lịch sử dân tộc. Các thảo luận cho rằng hiện trạng này vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của việc môn học LS không được xem là quan trọng so với các môn học khác trong chương trình GDPT. Một người tham gia ẩn danh đăng một bài trên cộng đồng liên quan đến các vấn đề học tập cho rằng: “*Giới trẻ Việt Nam quên đi mất lịch sử dân tộc của mình*” (Netno Data, C2.P5, 2024). Bài viết này phân tích các lý do bao gồm: cách GV đầu tư và truyền đạt môn học chưa tốt, giới trẻ Việt Nam có xu hướng ‘nước ngoài hoá’, và sự mơ hồ của các bạn trẻ khi được hỏi về các sự kiện lớn của LS. Bài viết này được nhiều thành viên có ý kiến bình luận ủng hộ, nhất là trong bối cảnh chủ quyền lãnh thổ quốc gia là vấn đề được nhiều thành viên quan tâm. Để khẳng định tầm quan trọng của môn LS, Facebook Lê Xuân Quyền cho rằng: “*Học LS để biết và hiểu ông cha ta ngày xưa đã làm những gì để bảo vệ, giữ gìn non sông ...*” (Netno Data, C4.P1, 2024), hoặc Facebook Ham Let nhân mạnh: “... *để khẳng định Trường Sa và Hoàng Sa là của Việt Nam*” (Netno Data, C4.P1, 2024). Mặc dù vậy, có những bình luận cho rằng vẫn có nhiều bạn trẻ yêu thích LS, thể hiện qua việc khám phá và bảo tồn các giá trị LS. Tuy vậy, các ý kiến này không nhiều và từ ngữ không rõ ràng, mạch lạc.

Để giải thích vì sao các chủ đề này được thảo luận trong các cộng đồng, chuyên gia N.T.T.T (Trường THCS TT Phước Long, Bạc Liêu) được phỏng vấn cho rằng “... *những điều này được thảo luận nhiều vì đó là cốt lõi của việc HS muốn học hay không, thích môn LS hay không ...*”. Bên cạnh đó, chuyên gia còn chỉ ra rằng “*chương trình mới được thiết kế để giải quyết những hạn chế của chương trình cũ, vì vậy... rất cần thiết để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới*” (Kết quả phỏng vấn, 2024).

5. Kết luận

Trong 06 khía cạnh được thảo luận trên các CĐTT, PP dạy và Phản hồi của HS là 02 khía cạnh được thảo luận nhiều nhất trong các bình luận. Hai khía cạnh này được nhấn mạnh trong nhiều bình luận, và có thể thấy, khía cạnh này là hệ quả của khía cạnh kia, và ngược lại. Kết quả phân tích các bình luận cho thấy, nhiều HS không có hứng thú và né tránh môn học LS vì phương pháp dạy truyền thống nhàm chán. Điều này tương đồng với phân tích của Steeves (1998), trong nghiên cứu của mình về dạy và học LS ở Mỹ, khi xác định những hạn chế của việc ghi nhớ thuộc lòng các sự kiện lịch sử và cách dạy thụ động. Ngoài ra, Steeves còn nhấn mạnh, các GV dạy LS cần sẵn sàng nghĩ theo các cách khác, và hướng dẫn cho HS PP luận khi tiếp cận LS.

Như vậy, có thể thấy vai trò quan trọng của GV trong việc thay đổi từ PP người dạy là trung tâm sang PP người học là trung tâm. Đối với chương trình GDPT mới ban hành 2018, việc chuyển đổi này là rất quan trọng để có thể đáp ứng được các yêu cầu của chương trình đào tạo. Các hình thức như thảo luận, đóng kịch, nghiên cứu dự án LS được xem là những cách để khuyến khích HS tham gia chủ động hơn.

Việc các GV sử dụng các công cụ và hình thức khác nhau để truyền đạt nội dung của các giờ học có thể được xem là yếu tố then chốt để khuyến khích HS tham gia chủ động vào quá trình học tập.

Kết quả phỏng vấn với chuyên gia cũng chỉ ra rằng, các GV có nhiều năm kinh nghiệm (thường là lớn tuổi) thường ngại thay đổi và sử dụng PP dạy truyền thống, trong khi đó các GV trẻ (thường là ít kinh nghiệm) lại thích ứng nhanh hơn với các PP mới nhằm thu hút HS tham gia vào quá trình học tập. Để GV có thể thực hiện những thay đổi trong PP giảng dạy, vai trò của các cấp quản lý là rất quan trọng. Trước hết, vai trò của tổ chuyên môn và các trường trong việc hỗ trợ tiếp cận với các nguồn tài liệu, sách tham khảo phù hợp để GV có thể bổ sung bài giảng đa dạng. Để giúp HS tiếp cận với thông tin LS tốt hơn, việc thiết kế các giờ học ngoại khoá cho môn LS (VD như tham quan bảo tàng, khu di tích lịch sử, ...) cần được tạo điều kiện để thực thi, thực tế tổ chức để HS có thể tham gia và trải nghiệm trong chương trình của môn học của các lớp từ THCS tới THPT; và thực hiện đồng nhất giữa các trường là cần thiết.

Ngoài ra, có thể thấy, cùng với 02 khía cạnh PP dạy và Phản hồi của HS, 04 khía cạnh còn lại: SGK, Chương trình đào tạo, Thi cử và Bối cảnh và tầm quan trọng của môn LS sẽ cần sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý nhà nước (BGD-ĐT, các Sở Giáo dục và Đào tạo). Vai trò của các cơ quan này trong việc hỗ trợ cho các nhà trường và các GV là không thể thiếu trong việc đạt được mục tiêu của chương trình GDPT 2018. Có thể thấy trong nội dung thảo luận của các CĐTT GV dạy môn LS, việc sáng tạo trong PP dạy rất được quan tâm và các GV thể hiện mong muốn được chia sẻ với nhau về các PP giảng dạy sáng tạo, thu hút HS. Vì vậy, với vai trò quản lý nhà nước, các Sở Giáo dục và Bộ GD-ĐT cần tổ chức các khoá tập huấn, các hội thảo để chia sẻ PP giảng dạy giữa các trường, các tỉnh-thành phố. Ngoài ra, việc trao đổi GV giữa các trường, giữa các tỉnh-thành phố cũng là một hoạt động cần được cân nhắc để các GV có thể có cơ hội giao lưu, chia sẻ và học tập lẫn nhau trong việc đổi mới PP dạy học LS. Những hoạt động này sẽ tạo nền tảng vững chắc để từng bước hoàn thiện SGK, chương trình đào tạo, hình thức thi cử, đồng thời góp phần khẳng định rõ hơn vai trò và vị thế của môn LS trong chương trình GDPT.

Mặc dù nghiên cứu đã đạt được các mục tiêu đề ra, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần lưu ý. Thứ nhất, phạm vi dữ liệu Netnography còn hạn chế, khi chỉ thu thập từ các cộng đồng trên Facebook, trong khi các nền tảng mạng xã hội khác như Twitter, Reddit hay Zalo cũng có thể chứa đựng các thảo luận quan trọng liên quan đến việc dạy và học môn LS. Thứ hai, nghiên cứu chưa bao gồm góc nhìn từ các nhà quản lý giáo dục và tác giả SGK, dẫn đến việc thiếu vắng ý kiến từ một số bên liên quan quan trọng. Thứ ba, dữ liệu thảo luận về chương trình GDPT 2006 chưa được thu thập đầy đủ, gây khó khăn trong việc phân tích quá trình chuyển tiếp giữa hai chương trình. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng nguồn dữ liệu và tiếp cận đa dạng hơn để có cái nhìn toàn diện hơn về bối cảnh dạy và học môn LS.

ĐÓNG GÓP KHOA HỌC

Bài báo xác định rõ khoảng trống nghiên cứu; bài báo gợi mở các hướng nghiên cứu tiếp theo; bài báo cung cấp bằng chứng thực nghiệm mới; bài báo có ý nghĩa thực tiễn rõ ràng; bài báo đưa ra các hàm ý chính sách và quản trị.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

CRedit: **Lê Thị Thanh Xuân**: Xây dựng ý tưởng, Viết bản thảo ban đầu, Phương pháp;
Lê Nguyễn Ngọc Hàn: Hiệu đính, Thu thập và Quản lý dữ liệu.

TUYÊN BỐ KHÔNG CÓ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các tác giả cam kết, tuyên bố không có bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến việc công bố bài báo này.

Tài liệu tham khảo

- Adeola, O., Bursal, V., Ibelegbu, O., Nwafor, J., Dennis, C., & Foroudi, P. (2024). Applying netnographic approach to qualitative research. In *Routledge Handbook* (1st Eds., pp. 88-103). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003107774-8>
- Bagozzi, R. P., & Dholakia, U. M. (2002). Intentional social action in virtual communities. *Journal of Interactive Marketing*, 16(2), 2-21.
- Báo Điện Tử Chính Phủ. (2023). *10 điểm mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018* [10 new features of the 2018 General Education Program]. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/10-diem-moi-cua-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-2018-119230206174054873.htm>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD-ĐT). (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông* [Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT on the promulgation of the General Education Curriculum]. <https://moet.gov.vn/van-ban/vanban/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=1301>
- Boyatzis, R. E. (1998). *Transforming qualitative information: Thematic analysis and code development*. Sage.
- Costello, L., McDermott, M. L., & Wallace, R. (2017). Netnography. *International Journal of Qualitative Methods*, 16(1), 1-12. <https://doi.org/10.1177/1609406917700647>
- Đài Truyền hình Việt Nam (VTV). (2023). *Thời sự 19g VTV1* [VTV1 News at 7PM]. Báo điện tử VTV. <https://vtv.vn/video/thoi-su-19h-vtv1-06-10-2023-643850.htm>

- DataReportal, We Are Social, & Kepios (DCCA). (2024). *Digital 2024: Vietnam*. <https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>
- Detmers, J. (2019). Scholarship or teaching: Understanding history as an academic discipline or as a school subject. *Curriculum and Teaching Dialogue*, 21(1/2), 87-98.
- Hiếu-Nguyễn. (2022). *Những tiết học Lịch sử hấp dẫn theo chương trình mới* [Engaging history lessons under the new curriculum]. *Báo Giáo dục và Thời Đại*. <https://giaoducthoidai.vn/nhung-tiet-hoc-lich-su-hap-dan-theo-chuong-trinh-moi-post610615.html>
- Ho, H. T. T., Pham, T. D., Le, N. V., Trinh, T. C., Nguyen, T. D., Nguyen, M. T. T., & Nguyen, P. T. N. (2022). Thực trạng và giải pháp cho dạy học môn Lịch sử và Địa lí cấp trung học cơ sở ở tỉnh Cà Mau, theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 [Situation and solutions for teaching and learning History and Geography at lower secondary level according to the new general education program in 2018]. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 58, 76-83. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2022.153>
- Hoang, T. T. (2015). Orientations and realities of teaching history in Vietnam. *International Journal of Education Research*, 9(1), 1-5.
- Kozinets, R. (1998). On netnography: Initial reflections on consumer research investigations of cyberculture. *Advances in Consumer Research*, 25(1), Article 366.
- Kozinets, R. V. (2002). The field behind the screen: Using netnography for marketing research in online communities. *Journal of Marketing Research*, 39(1), 61-72. <https://doi.org/10.1509/jmkr.39.1.61.18935>
- Kozinets, R. V. (2015a). Management netnography: Axiological and methodological developments in online cultural business research. In C. Cassell, A. Cunliffe, & G. Grandy (Eds.), *The SAGE handbook of qualitative business and management research methods*. SAGE. <https://doi.org/10.13140/RG.2.1.3029.4487>
- Kozinets, R. V. (2015b). *Netnography: Redefined* (2nd ed.). Sage.
- Kozinets, R. V., & Gambetti, R. (2021). *Netnography unlimited: Understanding technoculture using qualitative social media research*. Routledge.
- Le, T. N. (2022, April 28). *Hướng ra nào cho môn lịch sử? Phải thay đổi cách dạy và học lịch sử* [What is the way forward for the History subject? It is necessary to change how History is taught and learned]. Người Lao Động. <https://nld.com.vn/ban-doc/huong-ra-nao-cho-mon-lich-su-phai-thay-doi-cach-day-va-hoc-lich-su-20220427202059424.htm>
- Lejealle, C., Castellano, S., & Khelladi, I. (2022). The role of members' lived experience in the evolution of online communities toward online communities of practice. *Journal of Knowledge Management*, 26(8), 1968-1984. <https://doi.org/10.1108/JKM-03-2021-0250>
- McCrum, E. (2013). History teachers' thinking about the nature of their subject. *Teaching and Teacher Education*, 35(2023), 73-80. <https://doi.org/10.1016/j.tate.2013.05.004>
- Morais, G. M., Santos, V. F., & Goncalves, C. A. (2020). Netnography: Origins, foundations, evolution and axiological and methodological developments and trends. *The Qualitative Report*, 25(2), 441-455.

- Ngan Ha. (2024, May 4). *Thế hệ trẻ thiếu kiến thức lịch sử - thực trạng đáng lo ngại!* [The young generation lacks historical knowledge - an alarming reality!] *Báo Thanh Hoá*. <https://baothanhhoa.vn/the-he-tre-thieu-kien-thuc-lich-su-thuc-trang-dang-lo-ngai-213279.htm>
- Nguyen, H. V. (2015). Difficulties and challenges in teaching history in junior high schools. *Journal of Education Sciences*, 34(1), 13-28.
- Nohutlu, Z. D., Englis, B. G., Groen, A. J., & Constantinides, E. (2022). Customer cocreation experience in online communities: Antecedents and outcomes. *European Journal of Innovation Management*, 25(2), 630-659. <https://doi.org/10.1108/EJIM-08-2020-0313>
- Seraj, M. (2012). We create, we connect, we respect, therefore we are: Intellectual, social, and cultural value in online communities. *Journal of Interactive Marketing*, 26(4), 209-222. <https://doi.org/10.1016/j.intmar.2012.03.002>
- Silverman, D. (2022). *Doing qualitative research* (6th ed.). Sage.
- Steeves, K. A. (1998). *Working together to strengthen history teaching in secondary schools*. American Historical Association. <https://www.historians.org/resource/working-together-to-strengthen-history-teaching-in-secondary-schools/>
- Thieu Trang., & Tuong Van. (2021, November 28). *Chán, “ngó lơ” môn Lịch sử, không thể đổ lỗi cho học sinh* [Bored and ignoring History subject - We cannot blame students]. *Báo Lao Động*. <https://laodong.vn/giao-duc/chan-ngo-lo-mon-lich-su-khong-the-do-loi-cho-hoc-sinh-978239.ldo>

